

Số: 01-0614/HNX-GLT

TP Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 06 năm 2014

V/v: CBTT báo cáo thường niên 2013

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: CÔNG TY CP KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU
2. Mã chứng khoán: GLT
3. Địa chỉ trụ sở chính: 1 Tân Thuận, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, TPHCM
4. Điện thoại: 377 01 055 Fax: 3 7701 056
5. Người thực hiện công bố thông tin: TRƯƠNG THỊ HOA
6. Nội dung của thông tin công bố:
 - Báo cáo thường niên 2013
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo: www.toancau.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VP, KT-TC

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Tổng giám đốc



NGUYỄN HỮU DŨNG



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU
GLOBAL ELECTRICAL TECHNOLOGY CORPORATION
www.toancau.vn

MẪU CBTT-02

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU
NĂM BÁO CÁO: 2013

NỘI DUNG TRÌNH BÀY

PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình thành lập và phát triển.
3. Định hướng phát triển.
4. Tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.

PHẦN 2: BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013
2. Những định hướng của Ban Giám Đốc
3. Báo cáo về nguồn vốn, chỉ số tài chính

PHẦN 3: BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/ HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN/ CHỦ TỊCH CÔNG TY.

1. Đánh giá hoạt động kinh doanh
2. Hoạt động của HĐQT
3. Phân công nhiệm vụ của HĐQT
4. Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2013.
5. Kế hoạch kinh doanh

PHẦN 4: BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2013 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

1. Ý kiến của kiểm toán độc lập
2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

PHẦN 5: THÔNG TIN CỔ ĐÔNG/ THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ.

PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU**

Giấy chứng nhận đăng ký số: 4103004205

Vốn điều lệ: 92.364.460.000 đồng

Địa chỉ: Số 1 Đường Tân Thuận, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, TpHCM

Văn phòng giao dịch: Tòa nhà ITD, lầu 2, số 1 Đường Sáng Tạo, Khu E-Office (KCX Tân Thuận) - Q7, HCM, VN.

Điện thoại: 08 37701055

Fax: 08 37701056

Website: www.toancau.vn

Mã cổ phiếu: GLT

II. QUÁ TRÌNH THÀNH LẬP VÀ PHÁT TRIỂN

1. Quá trình thành lập công ty:

Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu đã hoạt động khá thành công trong các lĩnh vực như: Đầu tư hạ tầng viễn thông, đầu tư vào các công ty chuyên ngành, xây dựng và vận hành bảo dưỡng các công trình dân dụng, dịch vụ kỹ thuật cao, sản xuất thiết bị điện công nghiệp, tích hợp hệ thống trung tâm dữ liệu, kinh doanh sản phẩm và tích hợp giải pháp.

| | |
|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Năm 1996 | Ngày 09 tháng 10 năm 1996 Công ty Thương mại Toàn Cầu A (TNHH) với tên giao dịch tiếng Anh là GLT Co., Ltd được chính thức thành lập. |
| Năm 2005 | Ngày 28 tháng 12 năm 2005 đã chính thức chuyển sang hình thức hoạt động là cổ phần với việc đổi tên thành Công ty cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004205 do Sở Kế hoạch đầu tư TPHCM với vốn điều lệ 6 tỷ đồng. |
| Năm 2007 | Liên kết với VinaCapital – Vietnam Infrastructure Investment Ltd (Quỹ Đầu tư cơ sở Hạ tầng) thành lập Công ty TNHH Đầu tư hạ tầng Toàn Cầu. Liên doanh với Site Preparation Management Co., Ltd (Thái Lan) và Atlas CSF SDN.BHD (Malaysia) thành lập Công ty TNHH Liên Doanh Global Sitem. |
| Năm 2008 | Ngày 31/01/2008, Công ty chính thức đăng ký là công ty đại chúng. Mở rộng lĩnh vực xây dựng hạ tầng cho viễn thông BTS với tốc độ phát triển 199 trạm. |
| Năm 2009 | Qua 06 lần tăng vốn đến ngày 13 tháng 07 năm 2009 tổng vốn điều lệ là 63.757.790.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301446868 ngày 13 tháng 7 năm 2009. |
| Năm 2010 | Thay đổi Giấy chứng nhận ĐKKD lần 8: tăng vốn điều lệ lên 92.364.460.000 đồng |
| Năm 2011 | Thay đổi Giấy chứng nhận ĐKKD lần thứ 13: thay đổi địa chỉ trụ sở chính tại số 1 Đường Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TpHCM. Đầu tư vào Công ty Cổ phần Inno sở hữu đất tại Tân Thuận với tổng diện tích 5000m ² . Hội đồng quản trị thông qua việc giải thể Công ty TNHH MTV Sản Xuất Kỹ |

| | |
|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| | Thuật Điện Toàn Cầu |
| Năm 2012 | Thay đổi Giấy chứng nhận ĐKKD lần thứ 14: bổ sung ngành nghề kinh doanh Hội đồng quản trị thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty CP Đầu Tư Hạ Tầng Toàn Cầu cho 2 nhà đầu tư là Southeast Asia Telecommunications và Delong Opportunity Investments Pte có trụ sở tại Singapore |
| Năm 2013 | Thay đổi Giấy chứng nhận ĐKKD lần thứ 16: bổ sung ngành nghề kinh doanh |

2. Quá trình phát triển:

- Sau 18 năm hoạt động, công ty Toàn Cầu đã có những bước phát triển và ổn định trong lĩnh vực ngành nghề đang hoạt động chuyên sâu trong các lĩnh vực kỹ thuật cao, bao gồm: điện, điện tử, tự động, đầu tư hạ tầng viễn thông, tích hợp hệ thống trung tâm dữ liệu, ... Hoạt động và mạng lưới kinh doanh của công ty Công ty đã phát triển khắp cả nước với trụ sở chính tại Tp. Hồ Chí Minh, văn phòng đại diện tại Hà Nội.
- Với 1 bộ máy tổ chức tinh gọn, 1 đội ngũ nhân viên nhiệt tình có trình độ và tính chuyên nghiệp cao; với nguồn tài chính lành mạnh và với 1 vị thế vững chãi trên thương trường, công ty Toàn Cầu luôn được khách hàng và các đối tác trong và ngoài nước tin tưởng đánh giá cao.
- Công ty sở hữu 2 công ty con và 1 công ty liên kết với vốn góp và tỉ lệ sở hữu như sau:
 - Công ty TNHH Liên doanh Global-Sitem: 1.635.330.000 đồng, tỷ lệ sở hữu 51%.
 - Công ty Cp Inno: 14.994.000.000 đồng, tỷ lệ sở hữu 99.98%.
 - Công ty TNHH Hanel-CSF: 1.831.595.000 đồng, tỷ lệ sở hữu 10%

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

HDQT và Ban điều hành công ty đã thống nhất mục tiêu chiến lược tập trung trong 3 lĩnh vực kinh doanh xuyên suốt trong quá trình hoạt động. Việc thống nhất mục tiêu chiến lược giúp công ty định hướng được những lĩnh vực cần tập trung và đầu tư nguồn lực để phát huy lợi thế lớn nhất thế mạnh của mình.

1. Lĩnh vực phát triển

- Giải pháp hạ tầng trung tâm dữ liệu - Datacenter : Đây là thị trường rất rộng lớn. Việc cung cấp hạ tầng cho Trung tâm dữ liệu, Công ty đã có những dự án lớn thực hiện cả trong nước và ngoài nước. Khách hàng của công ty là các công ty viễn thông lớn như Viettel, VDC, Hải Quan, FPT, VCB...

2. Lĩnh vực khai thác

- Giải pháp chống sét và hệ thống nguồn: Đây là lĩnh vực hoạt động truyền thống của công ty và mang lại doanh số lớn cho công ty. Tuy nhiên những năm vừa qua nền kinh tế khó khăn, các dự án lớn đều bị treo lại, thị trường viễn thông bão hòa, các nhà mạng di động giảm đầu tư, Viettel, Gtel giảm đầu tư BTS, vì thế doanh số của Toàn Cầu cũng bị ảnh hưởng giảm xuống rõ rệt
Với năng lực và kinh nghiệm lâu năm của Công ty, Toàn Cầu đang đẩy mạnh và tập trung việc tích hợp giải pháp nhiều sản phẩm để mang lại cho khách hàng một giải pháp tin cậy và hiệu quả
- Đầu tư và Dịch vụ hạ tầng viễn thông di động – BTS: Công ty đang sở hữu 179 trạm BTS. Giá trị đầu tư có tính ổn định về doanh số và lợi nhuận lâu dài
- Sản phẩm mới về công nghệ IT (Aten & Systimex): Sản phẩm này được Công ty TNHH Global Sitem là công ty con của Toàn Cầu kinh doanh đã chính thức trở thành nhà phân phối các sản phẩm của hãng Aten (Taiwan). ATEN là nhà sản xuất KVM Switch lớn

nhất thế giới với hàng ngàn sản phẩm đáp ứng từ yêu cầu chuyên nghiệp cho Data Center. ATEN đã nhận nhiều giải thưởng về Công nghệ tiên tiến và Sản phẩm Chất lượng trên thế giới. www.aten.com

Việc mở rộng thêm sản phẩm mới công ty có định hướng và giải pháp tốt hơn cho khách hàng với thị trường Data Center

3. Lĩnh vực tiềm năng

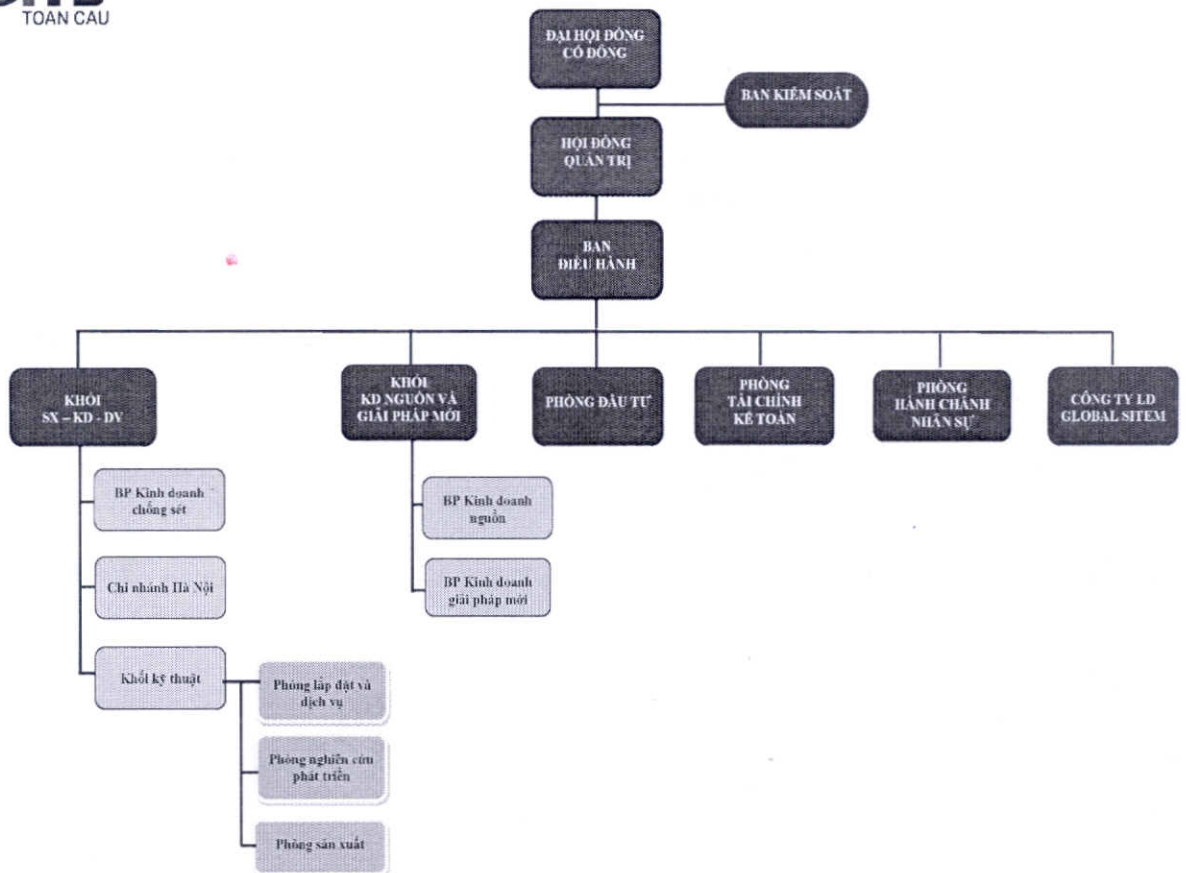
- Giải pháp tiết kiệm điện và năng lượng thay thế: Công ty vẫn đang nghiên cứu các sản phẩm tiết kiệm năng lượng. Đây là lĩnh vực có quy mô thị trường lớn nhưng rất khó khăn cần thời gian nghiên cứu và tìm kiếm đối tác.
Công ty vẫn đang từng bước triển khai và điều chỉnh chiến lược cho phù hợp với thị trường

IV. TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ.

- Hội đồng quản trị: 7 người
- Ban kiểm soát: 3 người
- Ban Giám đốc: 4 người
- Tổng số nhân viên: 66 người
- Các phòng ban chức năng: Khối SX- KD-DV, Phòng đầu tư, Phòng tài chính kế toán, Phòng Nhân sự...



CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU



PHẦN 2:

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2013

1. Về doanh thu hoạt động kinh doanh

Doanh thu hợp nhất của **Công ty CP Kỹ thuật điện Toàn Cầu (GLT)** trong năm 2013 là 164 tỷ đồng đạt 87% so với kế hoạch, và đạt 114% so với năm 2012. Doanh thu công ty không đạt bị ảnh hưởng nhiều do nền kinh tế khó khăn, việc đầu tư của khách hàng bị thu hẹp. Hơn 80% doanh số của công ty đến từ các dự án, tập trung ở các lĩnh vực khách hàng như: Viễn thông, Ngân hàng, Hàng không, công nghiệp, phát thanh truyền hình, dầu khí, doanh nghiệp lớn..., trong năm 2013 các lĩnh vực này hoặc là bão hòa hoặc là giãn thời gian triển khai các dự án, làm cho doanh số công ty giảm mạnh.

Bên cạnh đó, Công nợ và nợ xấu nhiều, làm cho công ty rất thận trọng trong việc thực hiện các dự án có lịch thanh toán kéo dài, hoặc thanh toán sau khi thực hiện.

2. Về doanh thu tài chính

Hoạt động tài chính của Toàn Cầu vẫn duy trì kiểm soát tốt. Doanh thu hoạt động tài chính giảm mạnh do năm ngoái công ty thu được lợi nhuận từ việc chuyển nhượng cổ phần Công ty CP Đầu Tư Hạ Tầng Toàn Cầu. Nguồn thu chủ yếu của hoạt động tài chính năm nay đến từ lãi tiết kiệm và cho vay nội bộ.

3. Về lợi nhuận hợp nhất

Lợi nhuận hợp nhất sau thuế công ty mẹ năm 2013 là: 17.845 tỷ đồng tăng so với kế hoạch là 122%. Đây là kết quả tốt cho thấy trong tình hình kinh tế khó khăn doanh thu rất khó tăng trưởng, Ban Giám Đốc đã đưa ra các phương án kiểm soát chi phí chặt chẽ để kết quả kinh doanh đạt hiệu quả cao.

II. NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

1. Về nhân sự: công ty đã tuyển dụng được vị trí quản lý cấp trung, công ty đã xây dựng được bộ máy nhân sự chuyên môn cao và có nhiệt huyết gắn bó với công ty lâu dài.
2. Về năng lực triển khai dự án: công ty đã và đang xây dựng tốt đội ngũ triển khai các dự án lớn, nhiều khách hàng như : VCB, VIETTEL, VIETTEL Global, VMS, Tổng cục Hải Quan, ... đã đánh giá cao về khả năng thực hiện các dự án không chỉ trong nước mà còn ở nước ngoài.
3. Tạo ra dòng tiền lớn trong thời điểm khó khăn, đến nay công ty đang có dòng tiền mặt hơn 65 tỷ đồng.
4. Công ty hiện tại vẫn tập trung phát triển các giải pháp, sản phẩm chính của mình như: Giải pháp chống sét, hạ tầng trung tâm dữ liệu, giải pháp nguồn sạch và liên tục, tiết kiệm năng lượng, hạ tầng viễn thông BTS.
5. Sản phẩm và giải pháp mới: công ty hiện nay đã được các nhà cung cấp uy tín trên thế giới ủy quyền phân phối các dòng sản phẩm như: ATEN (Đài Loan), SYSTIMEX (Mỹ), giải pháp lưu trữ PROMISE, tủ rack RITTAL (Châu Âu), ...

III. BÁO CÁO VỀ NGUỒN VỐN - CHỈ SỐ TÀI CHÍNH.

1. Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/03/2014: 10.000 VNĐ / Cổ phần

2. Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp:

- Vốn góp đầu năm: 92.364.460.000 đồng
- Vốn góp tăng trong năm: 0 đồng
- Vốn góp cuối năm: 92.364.460.000 đồng

3. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (đến thời điểm 31/03/2014): 9.177.796 cổ phiếu.

4. Số lượng cổ phiếu quỹ: 58.650 cổ phiếu.

5. Cổ tức, lợi nhuận đã chia trong năm 2013: 56.902.335.200 đồng

6. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản:

| Chỉ tiêu | Kỳ báo cáo |
|---------------------------------------------------|------------|
| Cơ cấu tài sản | |
| - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản | 12.75% |
| - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản | 87.25% |
| Cơ cấu nguồn vốn | |
| - Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn | 32.36% |
| - Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn | 63.48% |
| Khả năng thanh toán | |
| - Khả năng thanh toán nhanh | 3.2 lần |
| - Khả năng thanh toán hiện hành | 3.6 lần |
| Tỷ suất lợi nhuận | |
| - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | 10.40% |
| - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 10.86% |
| - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu | 16.38% |

PHẦN 3:

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN/CHỦ TỊCH CÔNG TY

I. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Hoạt động của **Công ty CP Kỹ thuật điện Toàn Cầu (GLT)** trong năm 2013: doanh số đạt 89% so với kế hoạch, và tăng trưởng 10% so với năm 2012 (không bao gồm doanh thu đứng hộ GSC). Lợi nhuận sau thuế là 16.28 tỷ đồng đạt 104% so với kế hoạch đề ra.

Năm 2013, hoạt động của **Công ty Liên doanh Global Sitem (GSC)** đạt 94% so với kế hoạch và tăng 34% so với năm trước. Lợi nhuận sau thuế là 7.4 tỷ đồng và đạt 117% so với kế hoạch đề ra. Tuy không đạt doanh số như kế hoạch tuy nhiên việc tăng trưởng 34% so với năm 2012 là một tín hiệu đáng mừng. Điều này cho thấy GSC đã và đang nỗ lực khẳng định thương hiệu của mình trên thị trường hạ tầng trung tâm dữ liệu đồng thời việc đa dạng hóa các sản phẩm cung cấp cho thị trường đã mang lại hiệu quả. Trong thời gian tới, GSC dự kiến sẽ tiếp tục tập trung đầu tư vào các dự án data center tích hợp, mở rộng kênh phân phối máy lạnh chính xác, các sản phẩm kỹ thuật và phát triển dịch vụ bảo trì để hoạt động của GSC phát triển ngày càng bền vững.

Hiện nay, Toàn Cầu sở hữu 5,000 m² đất tại KCX Tân Thuận dưới việc kiểm soát **Công ty CP INNO** tuy nhiên việc mở rộng tìm kiếm cơ hội kinh doanh trên việc sở hữu này tại thời điểm hiện tại là không khả thi do đó công ty đang tiến hành sang nhượng lại miếng đất này.

Nhìn chung, kết quả hoạt động của Công ty mẹ và công ty con (ngoại trừ Công ty Inno là sở hữu miếng đất không hoạt động kinh doanh) thì đều có tăng trưởng tốt so với năm ngoài.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hàng quý, HĐQT tổ chức họp để thông qua các báo cáo kinh doanh hàng quý, cũng như có những chỉ đạo về chiến lược. Cụ thể các nội dung đã được thông qua như sau:

- ✓ Nhất trí tạm ứng cổ tức 2013 lần 1 với tỷ lệ là: 12% bằng tiền mặt. Thời điểm chi trả cổ tức: trong tháng 1/2014.
- ✓ Nhất trí trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chia cổ tức năm 2013 là 22% bằng tiền mặt (đã bao gồm 12% tạm ứng).

III. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ TRONG HĐQT NĂM 2013:

1. Tiểu ban Nhân sự:
 - Ông Mai Tuấn Tú - Trưởng tiểu ban
 - Ông Lâm Thiếu Quân - Thành viên
2. Tiểu ban Đầu tư:
 - Ông Nguyễn Hữu Dũng - Trưởng tiểu ban
 - Bà Nguyễn Hương Giang - Thành viên
3. Tiểu ban Phát triển Kinh doanh:
 - Ông Nguyễn Thanh Khiết - Trưởng tiểu ban
 - Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết - Thành viên
 - Ông Tạ Huy Phong - Thành viên

IV. THÙ LAO HĐQT, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2013.

Trong năm 2013, tổng số tiền thù lao đã chi cho HĐQT và Ban kiểm soát là: 194 triệu đồng. Chi phí này phù hợp với mức thù lao đã được ĐHCĐ phê duyệt.

V. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2014

Những diễn biến bất lợi khó khăn của môi trường kinh doanh năm 2013, sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh năm 2014. Vì thế, Toàn Cầu đã rất thận trọng khi lên kế hoạch hoạt động cho năm 2014:

| | |
|---------------|----------------------------------------------------------------|
| ☞ Mục tiêu 1: | Đạt doanh số hợp nhất 171 tỷ đồng |
| ☞ Mục tiêu 2: | Đạt lợi nhuận hợp nhất sau thuế riêng công ty mẹ 16.52 tỷ đồng |
| ☞ Mục tiêu 3: | Đạt mục tiêu chia cổ tức 15% bằng tiền mặt |
| ☞ Mục tiêu 4: | Đảm bảo nguồn nhân lực quản lý |

PHẦN 4

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2013

I. Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP.

1. Đơn vị kiểm toán độc lập:

Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Nexia ACPA.

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Citilight Tower, 45 Võ Thị Sáu - Quận 1 – TP Hồ Chí Minh

2. Ý kiến kiểm toán độc lập:

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

II. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

1. Bảng Cân đối kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT ĐIỆN TOÀN CẦU

Địa chỉ: Số 1, đường Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2014

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 149,762,186,838 | 182,088,257,702 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 25,106,570,692 | 63,350,560,781 |
| 1 Tiền | 111 | | 11,606,570,692 | 6,883,560,781 |
| 2 Các khoản tương đương tiền | 112 | | 13,500,000,000 | 56,467,000,000 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 53,608,300,859 | 11,063,615,151 |
| 1 Đầu tư ngắn hạn | 121 | V.2 | 53,608,300,859 | 11,063,615,151 |
| 2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 129 | | | |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 48,738,712,708 | 79,206,088,538 |
| 1 Phải thu khách hàng | 131 | V.3 | 45,782,440,232 | 34,081,433,005 |
| 2 Trả trước cho người bán | 132 | V.4 | 1,095,508,411 | 1,089,897,244 |
| 3 Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4 Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5 Các khoản phải thu khác | 135 | V.5 | 4,850,084,153 | 45,059,638,159 |
| 6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | V.6 | (2,989,320,088) | (1,024,879,870) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 15,983,561,448 | 20,674,823,138 |
| 1 Hàng tồn kho | 141 | V.7 | 18,081,631,760 | 22,761,086,014 |
| 2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | V.8 | (2,098,070,312) | (2,086,262,876) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 6,325,041,131 | 7,793,170,094 |
| 1 Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.9 | 2,629,623,573 | 3,730,999,144 |
| 2 Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 1,127,250,000 | 1,386,713,903 |
| 3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | | 1,081,030,526 |
| 4 Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 157 | | | |

| | | | | | |
|-------------|--------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| 5 | Tài sản ngắn hạn khác | 158 | V.10 | 2,568,167,558 | 1,594,426,521 |
| B - | TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 21,877,731,664 | 33,374,393,047 |
| I. | Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | | |
| 1 | Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | | |
| 2 | Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc | 212 | | | |
| 3 | Phải thu dài hạn nội bộ | 213 | | | |
| 4 | Phải thu dài hạn khác | 218 | | | |
| 5 | Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | | |
| II. | Tài sản cố định | 220 | | 11,556,586,173 | 729,840,246 |
| 1 | Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.11 | 1,223,461,173 | 591,661,800 |
| | <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 2,177,720,795 | 3,803,371,788 |
| | <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | -954,259,622 | -3,211,709,988 |
| 2 | Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | | |
| | <i>Nguyên giá</i> | 225 | | | |
| | <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | | |
| 3 | Tài sản cố định vô hình | 227 | V.12 | 10,333,125,000 | 20,109,441 |
| | <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 11,382,188,000 | 109,688,000 |
| | <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | -1,049,063,000 | -89,578,559 |
| 4 | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | V.13 | | 118,069,005 |
| III. | Bất động sản đầu tư | 240 | V.14 | 3,385,063,089 | 9,232,221,064 |
| | <i>Nguyên giá</i> | 241 | | 40,035,407,440 | 39,999,680,784 |
| | <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 242 | | - 36,650,344,351 | -30,767,459,720 |
| IV. | Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 1,247,608,308 | 5,915,498,608 |
| 1 | Đầu tư vào công ty con | 251 | | | |
| 2 | Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | V.15 | | |
| 3 | Đầu tư dài hạn khác | 258 | V.16 | 4,178,160,308 | 5,915,498,608 |
| 4 | Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259 | | -2,930,552,000 | |
| V. | Tài sản dài hạn khác | 260 | | 3,326,133,667 | 14,797,015,502 |
| 1 | Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | 389,162,314 | 11,829,648,091 |
| 2 | Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | 176,210,880 | 36,888,698 |
| 3 | Tài sản dài hạn khác | 268 | V.17 | 2,760,760,473 | 2,930,478,713 |
| VI. | Lợi thế thương mại | 269 | | 2,362,340,427 | 2,699,817,627 |
| | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 171,639,918,502 | 215,462,650,749 |
| | NGUỒN VỐN | | | | |
| A - | NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 55,540,353,157 | 59,955,890,484 |
| I. | Nợ ngắn hạn | 310 | | 41,517,893,470 | 51,678,824,714 |
| 1 | Vay và nợ ngắn hạn | 311 | V.18 | 4,231,400,000 | 3,571,344,188 |
| 2 | Phải trả người bán | 312 | V.19 | 16,534,222,505 | 16,065,012,140 |
| 3 | Người mua trả tiền trước | 313 | V.20 | 3,492,870,437 | 3,019,550,196 |
| 4 | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | V.21 | 5,282,315,090 | 16,110,722,747 |
| 5 | Phải trả người lao động | 315 | V.22 | | 2,500,000 |
| 6 | Chi phí phải trả | 316 | V.23 | 739,727,454 | 630,556,725 |
| 7 | Phải trả nội bộ | 317 | | | |
| 8 | Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 318 | | | |
| 9 | Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | V.24 | 7,723,915,572 | 8,801,676,719 |
| 10 | Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 | V.25 | 1,714,976,347 | 1,372,649,866 |
| 11 | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | V.26 | 1,798,466,065 | 2,104,812,133 |
| 12 | Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 327 | | | |
| II. | Nợ dài hạn | 330 | | 14,022,459,687 | 8,277,065,770 |
| 1 | Phải trả dài hạn người bán | 331 | | | |
| 2 | Phải trả dài hạn nội bộ | 332 | | | |
| 3 | Phải trả dài hạn khác | 333 | | | |
| 4 | Vay và nợ dài hạn | 334 | | | |
| 5 | Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 | | | |
| 6 | Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | | | |
| 7 | Dự phòng phải trả dài hạn | 337 | | 564,365,000 | |
| 8 | Doanh thu chưa thực hiện | 338 | V.27 | 13,458,094,687 | 7,058,045,834 |
| 9 | Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 339 | | | 1,219,019,936 |

| | | | | | |
|------------|----------------------------------------------|------------|------|------------------------|------------------------|
| 1 | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | V.28 | 92,364,460,000 | 92,364,460,000 |
| 2 | Thặng dư vốn cổ phần | 412 | V.28 | 6,083,358,132 | 6,083,358,132 |
| 3 | Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | | |
| 4 | Cổ phiếu quỹ | 414 | V.28 | -1,007,355,357 | -1,007,355,357 |
| 5 | Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 415 | | | |
| 6 | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | | | |
| 7 | Quỹ đầu tư phát triển | 417 | V.28 | | |
| 8 | Quỹ dự phòng tài chính | 418 | V.28 | 2,156,513,283 | 2,421,132,831 |
| 9 | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | | | |
| 10 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | V.28 | 9,354,698,748 | 49,635,248,261 |
| 11 | Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 421 | | | |
| 12 | Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 422 | | | |
| II. | Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | | |
| 1 | Nguồn kinh phí | 432 | | | |
| 2 | Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 433 | | | |
| C - | LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ | 439 | | 7,147,890,539 | 6,009,916,398 |
| | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 171.639.918.502 | 215,462,650,749 |

2. Kết quả hoạt động kinh doanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

| STT | CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND | |
|------|----------------------------------------------------------|-------|-------------|------------------|-----------------|
| | | | | Năm nay | Năm trước |
| 1 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1 | VI.1 | 164,375,812,958 | 144,721,979,402 |
| 2 | Các khoản giảm trừ doanh thu | 2 | VI.1 | 21,783,180 | 60,698,220 |
| 3 | Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ | 10 | VI.1 | 164,354,029,778 | 144,661,281,182 |
| 4 | Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 109,754,978,595 | 96,054,201,433 |
| 5 | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 54,599,051,183 | 48,607,079,749 |
| 6 | Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 6,542,917,296 | 34,871,567,345 |
| 7 | Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 3,974,876,783 | 869,433,538 |
| 8 | Chi phí bán hàng | 24 | VI.5 | 14,636,715,876 | 14,196,341,670 |
| 9 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | VI.6 | 15,234,679,291 | 13,811,326,499 |
| 10 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 27,295,696,529 | 54,601,545,387 |
| 11 | Thu nhập khác | 31 | | 566,333,403 | 627,261,960 |
| 12 | Chi phí khác | 32 | | 35,535,616 | 4,318,953,822 |
| 13 | Lợi nhuận khác | 40 | | 530,797,787 | -3,691,691,862 |
| 14 | Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết liên doanh | 45 | | | 13,033,765,450 |
| 15 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 27,826,494,316 | 63,943,618,975 |
| 16 | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.21 | 6,494,400,051 | 17,715,084,957 |
| 16 | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | -139,322,182 | 11,298,939 |
| 18 | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 21,471,416,447 | 46,217,235,079 |
| 18.1 | Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số | 61 | | 3,625,632,131 | 2,004,939,118 |
| 18.2 | Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ | 62 | | 17,845,784,316 | 44,212,295,961 |
| 19 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.7 | 1,944 | 4,794 |

| | | | | |
|----------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | | |
| 1 Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | | |
| 2 Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc | 212 | | | |
| 3 Phải thu dài hạn nội bộ | 213 | | | |
| 4 Phải thu dài hạn khác | 218 | | | |
| 5 Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | | |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 11,556,586,173 | 729,840,246 |
| 1 Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.11 | 1,223,461,173 | 591,661,800 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 2,177,720,795 | 3,803,371,788 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | -954,259,622 | -3,211,709,988 |
| 2 Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | | |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | | |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | | |
| 3 Tài sản cố định vô hình | 227 | V.12 | 10,333,125,000 | 20,109,441 |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 11,382,188,000 | 109,688,000 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | -1,049,063,000 | -89,578,559 |
| 4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | V.13 | | 118,069,005 |
| III. Bất động sản đầu tư | 240 | V.14 | 3,385,063,089 | 9,232,221,064 |
| <i>Nguyên giá</i> | 241 | | 40,035,407,440 | 39,999,680,784 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 242 | | - 36,650,344,351 | -30,767,459,720 |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 1,247,608,308 | 5,915,498,608 |
| 1 Đầu tư vào công ty con | 251 | | | |
| 2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | V.15 | | |
| 3 Đầu tư dài hạn khác | 258 | V.16 | 4,178,160,308 | 5,915,498,608 |
| 4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259 | | -2,930,552,000 | |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 3,326,133,667 | 14,797,015,502 |
| 1 Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | 389,162,314 | 11,829,648,091 |
| 2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | 176,210,880 | 36,888,698 |
| 3 Tài sản dài hạn khác | 268 | V.17 | 2,760,760,473 | 2,930,478,713 |
| VI. Lợi thế thương mại | 269 | | 2,362,340,427 | 2,699,817,627 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 171,639,918,502 | 215,462,650,749 |
| NGUỒN VỐN | | | | |
| A - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 55,540,353,157 | 59,955,890,484 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 41,517,893,470 | 51,678,824,714 |
| 1 Vay và nợ ngắn hạn | 311 | V.18 | 4,231,400,000 | 3,571,344,188 |
| 2 Phải trả người bán | 312 | V.19 | 16,534,222,505 | 16,065,012,140 |
| 3 Người mua trả tiền trước | 313 | V.20 | 3,492,870,437 | 3,019,550,196 |
| 4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | V.21 | 5,282,315,090 | 16,110,722,747 |
| 5 Phải trả người lao động | 315 | V.22 | | 2,500,000 |
| 6 Chi phí phải trả | 316 | V.23 | 739,727,454 | 630,556,725 |
| 7 Phải trả nội bộ | 317 | | | |
| 8 Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 318 | | | |
| 9 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | V.24 | 7.723.915.572 | 8,801,676,719 |
| 10 Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 | V.25 | 1,714,976,347 | 1,372,649,866 |
| 11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | V.26 | 1,798,466,065 | 2,104,812,133 |
| 12 Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 327 | | | |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 14,022,459,687 | 8,277,065,770 |
| 1 Phải trả dài hạn người bán | 331 | | | |
| 2 Phải trả dài hạn nội bộ | 332 | | | |
| 3 Phải trả dài hạn khác | 333 | | | |
| 4 Vay và nợ dài hạn | 334 | | | |
| 5 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 | | | |
| 6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | | | |
| 7 Dự phòng phải trả dài hạn | 337 | | 564,365,000 | |
| 8 Doanh thu chưa thực hiện | 338 | V.27 | 13,458,094,687 | 7,058,045,834 |
| 9 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 339 | | | 1,219,019,936 |
| B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 108,951,674,806 | 149,496,843,867 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 108,951,674,806 | 149,496,843,867 |



- Công ty cổ phần công nghệ Tiên Phong
 - Địa chỉ: Số 1 Đường Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Q. 7, Tp. HCM
 - Số lượng cổ phần sở hữu: 4.405.777 cổ phần
 - Tỷ lệ vốn góp của công ty: 47.70 %

- Công ty cổ phần Đầu tư Tánh Linh
 - Địa chỉ: 79A đường số 25, phường Tân Qui, Q.7, TPHCM
 - Số lượng cổ phần sở hữu: 1.647.000 cổ phần
 - Tỷ lệ vốn góp của công ty: 17.83 %

2. Cổ đông góp vốn nước ngoài

- Đến thời điểm 3/6/2014 cổ đông nước ngoài chiếm 5.10% tổng số cổ phần đang lưu hành của công ty.

TP Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 6 năm 2014

Tổng giám đốc 

NGUYỄN HỮU DŨNG